

Bản án số: 143/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 16/8/2022  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Anh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- 1) Bà Phạm Tú Nhi
- 2) Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Ngọc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 200/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2022/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2022/QĐST- HNGĐ ngày 25/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Huỳnh L, sinh năm 1979; trú tại: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1979; trú tại: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị Huỳnh L trình bày:*

Chị L và anh Th tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thành phố D), tỉnh B theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63/KH, quyển số 08, ngày 05/6/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, vài năm gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị L và anh Th đã nhiều lần tạo cho nhau cơ hội để cùng thay đổi, hòa hợp

nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/8/2001, Nguyễn Lê Trung H, sinh ngày 02/3/2004, Nguyễn Lê Trung H, sinh ngày 17/10/2011 và Nguyễn Lê Thảo V, sinh ngày 01/6/2018. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi 02 con Nguyễn Lê Trung H và Nguyễn Lê Thảo V. Chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/8/2001, Nguyễn Lê Trung H, sinh ngày 02/3/2004 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Th được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú cho biết không có thông tin trình báo về mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L anh Th.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự:

[1.1] Chị L khởi kiện anh Th yêu cầu được ly hôn, anh Th hiện đang trú tại phường T, thành phố D, tỉnh B. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Anh Th được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, chị L có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị L, anh Th theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị L và anh Th tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thành phố D), tỉnh B theo

giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63/KH, quyền số 08, ngày 05/6/2002, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Th là hợp pháp.

[2.2] Quá trình tố tụng chị L xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị vài năm nay không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh Th được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, coi như từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Xét, mâu thuẫn của vợ chồng chị L và anh Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có níu giữ thì cuộc hôn nhân cũng không thể hạnh phúc. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh Th.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/8/2001, Nguyễn Lê Trung H, sinh ngày 02/3/2004, Nguyễn Lê Trung H, sinh ngày 17/10/2011 và Nguyễn Lê Thảo V, sinh ngày 01/6/2018. Chị L yêu cầu được nuôi 02 con Nguyễn Lê Trung H và Nguyễn Lê Thảo V. Chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/8/2001; Nguyễn Lê Trung H, sinh ngày 02/3/2004 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, anh Th được triệu tập hợp lệ nhưng không tham dự phiên tòa. Như vậy, anh Th đã từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình. Hiện cháu H và cháu V đang ở với mẹ và có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ. Để ổn định tâm lý và cuộc sống của các cháu nên tiếp tục giao cháu H và cháu V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ :

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Huỳnh L đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Th về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Huỳnh L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th(theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63/KH, quyền số 08, ngày 05/6/2002 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thành phố D), tỉnh B cấp)).

- Về con chung: Giao hai con Nguyễn Lê Trung H, sinh ngày 17/10/2011 và Nguyễn Lê Thảo V, sinh ngày 01/6/2018 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/8/2001; Nguyễn Lê Trung H, sinh ngày 02/3/2004 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau ly hôn, chị L và anh Th có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Huỳnh L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0003659 ngày 05/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Tân Đông Hiệp, tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Anh Thư**